

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

Số: 12/2023/HNGĐ - ST

Ngày 13- 3- 2023

V/v Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Biên

Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Thiện - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Bà Cao Thị Cẩm Vân - kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2023, Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 372/2022/TLST - HNGĐ ngày 22/11/2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14/01/2023; quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28/2/2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Dương Thị Hồng T, sinh năm 1978 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà A, đường NĐT 2, phường HVT, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Hiện tạm trú tại: Lô D7, D7 ngõ 25, đường T, phường DV, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

* Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc O, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà A, đường NĐT 2, phường HVT, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 15/11/2022, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn bà Dương Thị Hồng T trình bày: Bà và ông Nguyễn Ngọc O đã kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường Hoàng Văn

Th, thành phố Bắc Giang ngày 08/12/2000 và tổ chức lễ cưới tại gia đình hai bên theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng nhau, cuộc sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 10 năm thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách bất đồng, còn do ông O có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, nhiều lần bà yêu cầu ông O chấm dứt nhưng sau đó ông O lại tiếp tục có những mối quan hệ nam nữ không đúng với nhiều người phụ nữ khác nhau. Khoảng 5 năm gần đây, mâu thuẫn vợ chồng càng tăng. Năm 2019 bà đã gửi đơn đến Tòa án yêu cầu giải quyết ly hôn, sau đó do Tòa án hòa giải nên bà đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, từ đó đến nay cả hai không tìm được tiếng nói chung. Từ khi bà chuyển ra Hà Nội làm việc, bà mong muốn vợ chồng cùng góp sức mua nhà để ổn định cuộc sống, nhưng ông O không đồng ý. Trong thời gian này, ông O lại có quan hệ với người phụ nữ khác. Do mâu thuẫn không thể hàn gắn, bà và ông O đã sống ly thân. Nay tình cảm vợ chồng không còn, việc duy trì hôn nhân không có hạnh phúc, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà và ông O ly hôn. Nếu ông O không đồng ý ly hôn và mong muốn vợ chồng đoàn tụ, bà cũng không nhất trí. Đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết.

Về con chung: Vợ chồng có hai con là Nguyễn Huyền M, sinh ngày 11/8/2001 và Nguyễn Khánh L sinh ngày 20/12/2006. Hiện nay cháu M đang học đại học và ở cùng bà, do con đã trên 18 tuổi nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, sẽ tự có trách nhiệm với con. Đối với con Nguyễn Khánh L hiện nay đang ở cùng bố, do đang học cấp ba tại Bắc Giang và nguyện vọng của con mong muốn được ở cùng ông O, nên bà nhất trí để con ở với ông O. Nếu ông O không nhận trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc con thì bà xin nhận trách nhiệm nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con bà yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do công việc nên bà T đề nghị Tòa án cho vắng mặt tại phiên tòa,

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc O tại bản tự khai ghi ngày 20/02/2023 trình bày: Ông là chồng của bà T. Vợ chồng ông đã kết hôn từ năm 2000, cuộc sống gia đình hạnh phúc, vợ chồng sinh được hai con, con gái thứ hai Nguyễn Khánh L đang ở cùng ông, con gái lớn tên M đang học ở Hà Nội và ở cùng bà T. Việc bà T gửi đơn đến Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang đòi ly hôn, ông không đồng ý vì vợ chồng không có mâu thuẫn, những nội dung bà T nêu trong đơn khởi kiện là không đúng sự thật, nếu ly hôn thì hậu quả để lại cho gia đình ông rất nặng nề, gia đình tan nát, các con cần có sự chăm sóc của cả bố và mẹ, mong Tòa án xem xét cho ra quyết định hợp lý. Đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng ông về đoàn tụ. Về con chung: Đối với con gái Nguyễn Khánh L dưới 18 tuổi nên phải ở với mẹ, vì ông sợ con bị trầm cảm, nên đề nghị Tòa án giao cháu L

cho mẹ nuôi. Về cấp dưỡng nuôi con ông sẽ có trách nhiệm đóng góp. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 05/01/2023 cháu Nguyễn Khánh L trình bày: Cháu đang học lớp 10A12 trường trung học phổ thông N. Hiện nay cháu đang ở cùng bố, cháu yêu cả hai bố và mẹ và mong muốn bố, mẹ suy nghĩ lại về đoàn tụ để nuôi dạy các con khôn lớn. Trường hợp bố và mẹ ly hôn, cháu xin được ở cùng bố O.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 05/01/2023, bà Nguyễn Thị Anh S trình bày: Bà là chị dâu của bà T và ông O. Năm 2000 bà T kết hôn với ông O, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hoàng Văn Th, thành phố Bắc Giang và được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn, bà T và ông O về chung sống với nhau ngay. Khi vợ chồng bà T xây nhà không có chỗ ở có về chung sống cùng gia đình bà khoảng 2 năm. Quá trình chung sống, bà T và ông O có mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra tranh cãi. Mâu thuẫn của hai vợ chồng đã được gia đình hòa giải, động viên nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn ông O, bà đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con nên người. Trường hợp bà T vẫn cương quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ chồng bà T có hai con là Nguyễn Huyền M, sinh ngày 11/8/2001 và Nguyễn Khánh L, sinh ngày 20/12/2006. Trường hợp vợ chồng T, O ly hôn, đề nghị Tòa án giao con chung cho ai cũng được miễn đảm bảo cuộc sống tốt nhất cho con chung. Ngoài ra bà không trình bày gì thêm.

Tại biên bản xác minh, làm việc ngày 05/01/2023, đại diện tổ dân phố VN 3, phường Hoàng Văn Th, thành phố Bắc Giang cung cấp: Bà Dương Thị Hồng T và ông Nguyễn Ngọc O là công dân của địa phương. Bà T và ông O có được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, sau khi cưới về chung sống cùng nhau. Quá trình chung sống, tại địa phương không thấy bà T, ông O có mâu thuẫn gì, không thấy nhờ chính quyền địa phương hòa giải. Nay bà T xin ly hôn ông O đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Dương Thị Hồng T có đơn xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị giải quyết ly hôn, con chung, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Bị đơn ông Nguyễn Ngọc O vắng mặt tại phiên tòa ngày 28/2/2023 và phiên tòa ngày 13/3/2023 không có lý do.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại điều 70,72 Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa,

HĐXX căn cứ điều 227,228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án là đúng quy định.

Đề nghị căn cứ điều 28, điều 35, điều 39; điều 147; điều 227; điều 228; điều 238; điều 271; điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 51, 56, 81,82,83, 110, 116,117 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị:

Xử cho bà Dương Thị Hồng T và ông Nguyễn Ngọc O ly hôn.

Về con chung: Giao cho bà Dương Thị Hồng T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Khánh L, sinh ngày 20/12/2006. Buộc ông O đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung theo mức 2.000.000đồng/1 tháng, thời gian đóng góp cấp dưỡng tính từ tháng 4 năm 2023 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: không đặt ra xem xét.

Về án phí, bà T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, ông O phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Đơn khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu, chứng cứ đã giao nộp là hoàn toàn hợp lệ, đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về hình thức và nội dung đơn khởi kiện.

[2].Về thẩm quyền giải quyết: Đây là “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung”, bị đơn cư trú tại thành phố Bắc Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang theo quy định tại điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, thư ký và HĐXX đã chấp hành đúng pháp luật. Đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa ngày 28/2/2023 và ngày 13/3/2023 không có lý do, HĐXX căn cứ điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[4]. Về nội dung:

[4.1].Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của nguyên đơn, bị đơn cùng các tài liệu, chứng cứ giấy chứng nhận kết hôn do nguyên đơn cung cấp cho thấy ông Nguyễn Ngọc O và bà Dương Thị Hồng T tự nguyện tìm hiểu, đăng ký

kết hôn tại UBND phường Hoàng Văn Th, thành phố Bắc Giang ngày 08/12/2000, HĐXX xác định quan hệ hôn nhân giữa ông O và bà T là hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Lời khai của bị đơn ông Nguyễn Ngọc O tại bản tự khai ngày 20/2/2023 xác định vợ chồng không có mâu thuẫn gì nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, bà Dương Thị Hồng T tại các lời khai đều xác định vợ chồng mâu thuẫn nhiều năm, đến nay do mâu thuẫn trầm trọng vợ chồng đã sống ly thân. Xét tình trạng hôn nhân hiện nay của bà T và ông O HĐXX thấy, ngoài lời khai của bà T thì người thân trong gia đình bà T cũng đã xác nhận vợ chồng bà T, ông O có mâu thuẫn nhiều năm do bất đồng quan điểm, tính cách. Ngoài ra, việc vợ chồng bà T, ông O mâu thuẫn còn được chứng minh năm 2019 bà T đã gửi đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, được Tòa án hòa giải sau đó mới rút đơn để vợ chồng đoàn tụ cũng như thực tế hiện nay bà T, ông O mỗi người sống một nơi, không quan tâm hay có trách nhiệm chung với nhau từ tình cảm đến chăm lo kinh tế gia đình. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù ông O có mong muốn Tòa án hòa giải để đoàn tụ, nhưng nhiều lần Tòa án triệu tập đến làm việc, hòa giải ông O đều không đến, chứng tỏ ông O không thực sự quan tâm đến hạnh phúc gia đình cũng như không có ý thức hòa giải với vợ. Tình trạng hôn nhân hiện nay của bà T và ông O cho thấy giữa hai vợ chồng có mâu thuẫn đã gay gắt, kéo dài nhiều năm, nay bà T kiến quyết ly hôn, HĐXX thấy cần chấp nhận theo quy định tại điều 51, 56 luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4.2]. Về con chung: Vợ chồng bà T, ông O có hai con chung là Nguyễn Huyền M, sinh ngày 11/8/2001 và Nguyễn Khánh L, sinh ngày 20/12/2006. Do cháu M đã trên 18 tuổi, khỏe mạnh nên Tòa án không đặt ra xem xét. Cháu L chưa đủ 18 tuổi, để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho cháu HĐXX xem xét giao cho một người trực tiếp chăm sóc, nuôi cháu L. Trong lời khai của cháu L tại Tòa án, cháu có nguyện vọng được ở cùng bố là ông O, song ông O lại đề nghị Tòa án giao cháu L cho bà T nuôi. Xét thấy bà T cũng đề nghị Tòa án giao cháu L cho bà nuôi trong trường hợp ông O không nhận trách nhiệm nuôi con, bên cạnh đó cháu L là con gái, hiện đang trong độ tuổi trưởng thành, cần có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ từ mẹ nhiều hơn nên HĐXX quyết định giao cháu Nguyễn Khánh L cho bà Dương Thị Hồng T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T có yêu cầu ông O đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Xét điều kiện thực tế và quy định của pháp luật, bà T và ông O đều cùng phải có trách nhiệm đối với các con của mình, cháu L được giao cho bà T nuôi nên ông O phải có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, mức cấp dưỡng nuôi cháu L, bà T không đưa ra cụ thể, xét thấy đề xuất của kiểm sát viên tại phiên tòa cũng phù hợp với điều kiện thực tế, quy định về đóng góp tiền cấp dưỡng hiện nay nên HĐXX quyết định buộc ông O phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu L theo mức 2.000.000

đồng/01 tháng. Thời gian đóng góp cấp dưỡng, tính từ tháng 4 năm 2023 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

[4.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn, bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6]. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điều 28, điều 35, điều 39; điều 147; điều 227; điều 228; điều 238; điều 271; điều 273, khoản 2 điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Hồng T.

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Dương Thị Hồng T và ông Nguyễn Ngọc O ly hôn.

2.2 Về con chung: Giao cho bà Dương Thị Hồng T quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Nguyễn Khánh L, sinh ngày 20/12/2006.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: ông Nguyễn Ngọc O phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Khánh L theo mức 2.000.000 đồng/01 tháng. Thời gian đóng góp cấp dưỡng tính từ tháng 4 năm 2023 đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phần quyết định về cấp dưỡng của Tòa án sơ thẩm được thi hành ngay mặc dù có thể bị kháng cáo, khiếu nại, kháng nghị, kiến nghị.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Bà Dương Thị Hồng T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Tiền án phí bà T phải chịu được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0001890 ngày 22/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang. Xác nhận bà T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Ông Nguyễn Ngọc O phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa án tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành theo mức lãi suất quy định tại điều 357; khoản 1 điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Bắc Giang;
- TAND, VKSND Tỉnh Bắc Giang;
- THADS TP Bắc Giang;
- UBND P Hoàng Văn Th TP Bắc Giang
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hằng